

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH,  
CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ  
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG THÁP**

(Kèm theo bản công bố số: 1792/BVĐT-CDT ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp)

**ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ**

Đối tượng: Bác sĩ chưa được cấp giấy phép hành nghề.

Chương trình thực hành lâm sàng được xây dựng dựa trên các chuẩn năng lực giúp người thực hành sau khi hoàn thành có khả năng đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu. Các mốc phát triển năng lực trong chương trình được quy định cụ thể và mô tả đầy đủ để người thực hành biết cần phải làm gì để đạt được năng lực sau 12 tháng.

**1. Mục tiêu học tập**

**1.1. Yêu cầu về kiến thức:**

2.1.1. Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và lâm sàng vào giải quyết các vấn đề sức khỏe, các bệnh lý thường gặp ở người bệnh (bao gồm chẩn đoán và lọc bệnh ban đầu để xử lý hoặc chuyển tuyến phù hợp và kịp thời; điều trị; chăm sóc; phòng ngừa).

1.1.2. Áp dụng được y học dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.

**1.2. Yêu cầu về kỹ năng:**

1.2.1. Hỏi bệnh, khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng để đưa ra chẩn đoán (chẩn đoán ban đầu, chẩn đoán phân biệt và chẩn đoán xác định) các bệnh lý thường gặp.

1.2.2. Lập kế hoạch điều trị, chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người bệnh.

1.2.3. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sĩ đa khoa, đảm bảo quy định kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh.

1.2.4. Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân, đồng nghiệp và cộng đồng.

1.2.5. Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn một cách an toàn và hiệu quả.

**1.3. Yêu cầu về thái độ:**

1.3.1. Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.

1.3.2. Tôn trọng và thấu cảm với người bệnh và thân nhân người bệnh.

1.3.3. Tự phản ánh, nhận ra điểm mạnh và điểm yếu của bản thân để học hỏi liên tục.

1.3.4. Khiêm tốn và sẵn sàng tiếp nhận phản hồi từ đồng nghiệp và người bệnh để cải thiện bản thân.



1.3.5. Trung thực báo cáo những sai sót của bản thân và của hệ thống y tế trong thực hành nghề nghiệp.

## 2. Khung chương trình thực hành 12 tháng y khoa

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của bác sỹ là 12 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

Chuyên khoa	Khoa thực hành	Thời gian	Ghi chú
<b>2.1. Đối với Bác sỹ y khoa</b>			
Hồi sức cấp cứu	+ Khoa Cấp cứu tổng hợp. + Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	<b>Bắt buộc</b>
Nội khoa	+ Khoa Nội tổng hợp + Khoa Nội hô hấp - Cơ xương khớp + Khoa Thần kinh + Khoa Nội Tim mạch - Lão học + Khoa Nội tiết + Khoa Truyền nhiễm	2 tháng (320 tiết)	Chọn 2 khoa, trong đó có Nội Tổng hợp
Ngoại khoa	+ Khoa Ngoại tổng hợp + Khoa Ngoại niệu + Khoa Chấn thương chỉnh hình + Khoa Ngoại thần kinh + Khoa Ung bướu	2 tháng (320 tiết)	Chọn 2 khoa trong đó có Ngoại Tổng hợp
Sản phụ khoa	Khoa Sản	2 tháng (320 tiết)	
Nhi khoa	+ Khoa Nhi + Khoa Hồi sức nhi – Sơ sinh	2 tháng (320 tiết)	
Chuyên khoa khác	+ Khoa Mắt + Khoa Tai Mũi Họng	1 tháng (160 tiết)	
<b>2.1.1 Đối với Bác sỹ y khoa (có nhu cầu định hướng Nội khoa)</b>			
Hồi sức cấp cứu	+ Khoa Cấp cứu tổng hợp. + Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	<b>Bắt buộc</b>
Nội khoa	+ Khoa Nội tổng hợp + Khoa Nội hô hấp - Cơ xương khớp + Khoa Thần kinh + Khoa Nội Tim mạch - Lão học + Khoa Nội tiết + Khoa Truyền nhiễm	5,5 tháng (880 tiết)	Chọn 2 khoa, trong đó có Nội Tổng hợp
Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Sản phụ khoa	Khoa Sản	1 tháng (160 tiết)	
Nhi khoa	+ Khoa Nhi + Khoa Hồi sức nhi – Sơ sinh	1 tháng (160 tiết)	Mỗi khoa 2 tuần hoặc chọn 1 trong 2 khoa
Chuyên khoa khác	+ Khoa Mắt + Khoa Tai Mũi Họng	02 tuần (80 tiết)	Chọn 1 trong 2 khoa



<b>2.1.2 Đối với Bác sỹ y khoa (có nhu cầu định hướng Ngoại khoa)</b>			
Hồi sức cấp cứu	+ Khoa Cấp cứu tổng hợp. + Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	<b>Bắt buộc</b>
Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Ngoại khoa	+ Khoa Ngoại tổng hợp + Khoa Ngoại niệu + Khoa Chấn thương chỉnh hình + Khoa Ngoại thần kinh + Khoa Ung bướu	5,5 tháng (880 tiết)	Chọn 2 khoa trong đó có Ngoại Tổng hợp
Sản phụ khoa	Khoa Sản	1 tháng (160 tiết)	
Nhi khoa	+ Khoa Nhi + Khoa Hồi sức nhi – Sơ sinh	1 tháng (160 tiết)	Mỗi khoa 2 tuần hoặc chọn 1 trong 2 khoa
Chuyên khoa khác	+ Khoa Mắt + Khoa Tai Mũi Họng	02 tuần (80 tiết)	Chọn 1 trong 2 khoa
<b>2.1.3 Đối với Bác sỹ y khoa (có nhu cầu định hướng Sản khoa)</b>			
Hồi sức cấp cứu	+ Khoa Cấp cứu tổng hợp. + Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	<b>Bắt buộc</b>
Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Sản phụ khoa	Khoa Sản	5,5 tháng (880 tiết)	
Nhi khoa	+ Khoa Nhi + Khoa Hồi sức nhi – Sơ sinh	1 tháng (160 tiết)	Mỗi khoa 2 tuần hoặc chọn 1 trong 2 khoa
Chuyên khoa khác	+ Khoa Mắt + Khoa Tai Mũi Họng	02 tuần (80 tiết)	Chọn 1 trong 2 khoa
<b>2.1.4 Đối với Bác sỹ y khoa (có nhu cầu định hướng Nhi khoa)</b>			
Hồi sức cấp cứu	+ Khoa Cấp cứu tổng hợp. + Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	<b>Bắt buộc</b>
Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Sản phụ khoa	Khoa Sản	1 tháng (160 tiết)	
Nhi khoa	+ Khoa Nhi + Khoa Hồi sức nhi – Sơ sinh	5,5 tháng (880 tiết)	3,5 tháng 2 tháng
Chuyên khoa khác	+ Khoa Mắt + Khoa Tai Mũi Họng	02 tuần (80 tiết)	Chọn 1 trong 2 khoa



<b>2.2. Đối với bác sỹ y học cổ truyền</b>			
Hồi sức và cấp cứu	+ Khoa Cấp cứu tổng hợp. + Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc.	3 tháng (480 tiết)	<b>Bắt buộc</b>
Chuyên khoa	+ Khoa Y học cổ truyền + khoa VLTL-PHCN	9 tháng (1440 tiết)	
<b>2.3. Đối với bác sỹ răng hàm mặt</b>			
Hồi sức và cấp cứu	+ Khoa Cấp cứu tổng hợp. + Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc.	3 tháng (480 tiết)	<b>Bắt buộc</b>
Chuyên khoa	Khoa Răng Hàm Mặt	9 tháng (1440 tiết)	
<b>2.4. Đối với bác sỹ y học dự phòng</b>			
Hồi sức cấp cứu	+ Khoa Cấp cứu tổng hợp. + Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	3 tháng (480 tiết)	<b>Bắt buộc</b>
Truyền nhiễm	Khoa Truyền nhiễm	2 tháng (320 tiết)	
Kiểm soát nhiễm khuẩn	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	2 tháng (320 tiết)	
Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	1 tháng (160 tiết)	
Sản phụ khoa	Khoa Sản + Tiêm chủng	2 tháng (320 tiết)	
Nhi khoa	+ Khoa Nhi + Khoa Hồi sức nhi – Sơ sinh	1 tháng (160 tiết)	Mỗi khoa 2 tuần

**\*\* Lưu ý:**

- Học viên sẽ được kiểm tra, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh sau khi kết thúc thực hành mỗi chuyên khoa.

- Lịch thực hành của học viên sẽ do Phòng Chỉ Đạo Tuyên sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.

- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thời gian thực hành tại các khoa.

- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của Bệnh viện.

- Học viên phải tham dự > 90% tổng thời lượng chương trình.

- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, người thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định tại Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ)

### **3. Nội dung và phương pháp giảng dạy**

#### **3.1. Lý thuyết**



CHUYÊN KHOA	CHỦ ĐỀ
Hồi sức cấp cứu	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cấp cứu ngưng hô hấp, tuần hoàn</li> <li>2. Cấp cứu dị vật đường thở</li> <li>3. Cấp cứu người bệnh tự sát</li> <li>4. Phân loại bệnh: Nhận biết các dấu hiệu nặng, lọc bệnh cấp cứu</li> <li>5. Tiếp cận chẩn đoán và xử trí bệnh: Suy hô hấp; Rối loạn tri giác; Sốc; Co giật; Ngộ độc, tai nạn (rắn cắn, ong đốt, ngạt nước, điện giật); Rối loạn điện giải, kiềm toan</li> <li>6. Tiếp cận chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân bỏng</li> <li>7. Cấp cứu ngoại khoa: chấn thương, bụng ngoại khoa</li> <li>8. Chỉ định và các chế độ cơ bản trong thông khí hỗ trợ</li> </ol>
Nội khoa	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội tim mạch: Tăng huyết áp; Hội chứng mạch vành cấp; Mạch vành mạn ổn định; Suy tim; Rối loạn nhịp nguy hiểm; Bệnh lý van tim, nhận biết và xử trí 01 trường hợp phù phổi cấp</li> <li>2. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội tiêu hóa: Xơ gan; Loét dạ dày tá tràng; Viêm tụy cấp; Xuất huyết tiêu hóa do loét dạ dày tá tràng; Xuất huyết tiêu hóa dưới; Viêm dạ dày HP (+); Tiêu chảy cấp; Trào ngược dạ dày-thực quản</li> <li>3. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội hô hấp: Bệnh lý viêm nhiễm đường hô hấp trên và dưới; Giãn phế quản; Ho ra máu; Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính; Hen phế quản.</li> <li>4. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội thần kinh: Xuất huyết khoang dưới nhện; Bệnh nhược cơ; Động kinh; Đột quỵ thiếu máu não; Đột quỵ xuất huyết não tự phát</li> <li>5. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội tiết thận: Đái tháo đường; Basedow; Suy giáp; Hội chứng thận hư, Nhiễm trùng tiểu; Hạ đường huyết; Viêm cầu thận cấp; Bệnh lý tuyến giáp (bao gồm Basedow, Suy giáp...); hôn mê do tiểu đường, bệnh lý tuyến thượng thận</li> <li>6. Truyền nhiễm: Chẩn đoán và điều trị bệnh COVID-19, những kiến thức cơ bản hậu COVID-19 và người mắc bệnh dịch mới nổi; Viêm màng não mủ.</li> </ol>
Ngoại khoa	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại tổng quát: Bệnh lý gan, mật, tụy, lách; xử trí vết thương tim, phổi; chấn thương vết thương bụng, xuất huyết tiêu hóa, xuất huyết nội, cấp cứu bụng ngoại khoa; tiếp cận bệnh lý cận bướu giáp, bệnh lý mạch máu; Tràn dịch, tràn khí màng phổi;</li> <li>2. Khoa Ung bướu: Hiểu biết một số vấn đề về bệnh lý ung thư và kế hoạch điều trị.</li> <li>3. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Chấn thương chỉnh hình: Phẫu thuật thương tích, xử trí vết thương phần mềm các cơ quan vận động, Nắn – bó bột, Chẩn đoán, điều trị các loại gãy xương đơn giản, bệnh lý gân cơ đơn giản (ngón tay cò súng, Dequervain, hội chứng ống cổ tay...).</li> <li>4. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại thần kinh: chấn thương thần kinh trong máu tụ nội sọ, chấn thương cột sống và chấn thương thần kinh ngoại biên</li> <li>5. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại niệu: Sinh lý bệnh, chẩn đoán và điều trị sỏi niệu, Chẩn đoán và điều trị bướu tiền liệt tuyến, Nhiễm khuẩn đường tiết niệu và cấp cứu niệu khoa, Chẩn đoán và điều trị chấn</li> </ol>



	<p>thương hệ niệu</p> <p>6. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại tiêu hóa: Viêm ruột thừa cấp, Viêm phúc mạc do viêm ruột thừa vỡ, Viêm phúc mạc do thủng dạ dày, Thoát vị bẹn, Trĩ</p>
<b>Sản phụ khoa</b>	<p>1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Sản khoa: Quản lý thai kỳ - thực hiện khám thai đầy đủ 9 bước; Phân loại thai kỳ nguy cơ cao; Theo dõi chuyển dạ sinh thường; Chẩn đoán chuyển dạ bất thường; Phòng ngừa các tai biến sản khoa thường gặp (Băng huyết sau sinh; Tiền sản giật – sản giật; Vỡ tử cung; Nhiễm khuẩn hậu sản, hậu phẫu...); Đờ sanh thường Sản phụ ngôi chỏm; Cắt may tầng sinh môn; Hồi sức sơ sinh ban đầu.</p> <p>2. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình: Xuất huyết tử cung bất thường (AUB); Sảy thai; U xơ tử cung; U buồng trứng; Viêm sinh dục; Tầm soát và phát hiện sớm ung thư cổ tử cung; Phá thai nội khoa; Thai ngoài tử cung; Viêm vùng chậu, áp xe phần phụ; Tư vấn các phương pháp ngừa thai; Khám và tầm soát ung thư vú.</p>
<b>Nhi khoa</b>	<p>1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhi: Viêm hô hấp trên; Viêm tiểu phế quản; Viêm phổi; Suyễn</p> <p>2. Khám, đánh giá và phân loại trẻ sơ sinh; Vàng da sơ sinh; Sơ sinh non tháng; Nhiễm trùng sơ sinh; Suy hô hấp cấp ở trẻ sơ sinh</p> <p>3. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhi: Sốt xuất huyết; Bệnh tay chân miệng; Nhiễm trùng hệ thần kinh trung ương; Quai bị; Thủy đậu</p> <p>4. Lọc bệnh cấp cứu trẻ em</p> <p>5. Các bệnh lý tiêu hóa thường gặp</p> <p>6. Tiếp cận chẩn đoán và xử trí bệnh tim bẩm sinh, suy tim.</p>
<b>Mắt</b>	<p>1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân: Viêm kết mạc; Viêm lệ đạo; Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...); Đo thị lực; Viêm màng bồ đào</p> <p>2. Tiếp cận Chẩn đoán và điều trị: viêm kết mạc cấp, chẩn đoán và điều trị mộng thịt, chẩn đoán và điều trị đục thể thủy tinh, bệnh võng mạc đái tháo đường</p>
<b>Tai mũi họng</b>	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân: viêm tai giữa, viêm mũi dị ứng; viêm mũi xoang; viêm họng; viêm amidan, viêm thanh quản, kỹ năng làm thuốc tai
<b>Răng hàm mặt</b>	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân: viêm nướu, nha chu viêm, rối loạn khớp thái dương-hàm, các bệnh lý thường gặp ở vùng miệng, về lưỡi, cấp cứu chảy máu miệng
<b>Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng</b>	<p>Điều trị và chăm sóc bệnh nhân bằng phương pháp y học cổ truyền: Điện châm và xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vai gáy, liệt nửa người do tai biến mạch máu não, liệt dây thần kinh số VII ngoại biên, viêm quanh khớp vai</p> <p>Điều trị và chăm sóc bệnh nhân: Tập vận động: thụ động, trợ giúp, đề kháng, Tập vật lý trị liệu hô hấp, Tập vật lý trị liệu chỉnh hình, Hoạt động trị liệu, Điện trị liệu</p>

Lồng ghép hướng dẫn về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; đạo đức hành nghề, ứng xử người hành nghề... (*Phụ lục 1*)).

Người thực hành học bài lý thuyết được quy định trước tại nhà theo các tài liệu lý thuyết đã được học.

Phương pháp dạy học lâm sàng: Mô phỏng, học dựa trên tình huống, dạy học bên



giường bệnh.

### 3.2. Thực hành

Người thực hành đi luân phiên các chuyên khoa: Hồi sức cấp cứu; Nội; Ngoại; Sản phụ khoa; Nhi; Mắt; Tai Mũi Họng; Răng Hàm Mặt; Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng. Trưởng khoa phân công:

- Cho người thực hành một số giường bệnh để theo dõi. Người thực hành báo cáo ca bệnh mỗi ngày tại giường bệnh cho bác sỹ hướng dẫn thực hành phụ trách người bệnh. Bác sỹ điều trị sẽ giảng dạy & phản hồi tại giường bệnh mỗi ngày.
- Bác sỹ hướng dẫn thực hành của khoa theo dõi quá trình học tập của người thực hành.
- Người thực hành tham gia trực theo quy định tại Bệnh viện trong suốt thời gian học.
- Người thực hành thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong mục tiêu học tập, trên các bệnh lý và các thủ thuật cơ bản đã nêu ra ở trên theo yêu cầu và dưới sự giám sát của bác sỹ hướng dẫn thực hành.

**Bảng 1: Danh mục kỹ thuật chuyên môn áp dụng cho Bác sỹ y khoa, bác sỹ y học dự phòng**

STT	THỦ THUẬT	CHỈ TIÊU
1	Thở oxy	10
2	Lắp và cài đặt thông số NCPAP	5
3	Chỉ định và chăm sóc người bệnh thở máy	1
4	Kỹ thuật phun khí dung	2
5	Kỹ thuật sử dụng bình hít định liều có hoặc không kèm buồng đệm	2
6	Đặt nội khí quản	1
7	Băng ép, garo cầm máu	2
8	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	2
9	Bất động cột sống cổ bằng nẹp cứng	2
10	Vận chuyển người bệnh an toàn	2
11	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	1
12	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	1
13	Chọc dò dịch màng phổi, chọc hút khí màng phổi	1
14	Chọc dịch tủy sống	1
15	Đặt catheter tĩnh mạch	1
16	Truyền máu và các chế phẩm máu	1
17	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	5
18	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	1
19	Cắt và khâu tầng sinh môn	1
20	Khám thai	5
21	Bóc nang tuyến Bartholin	1



STT	THỦ THUẬT	CHỈ TIÊU
22	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	1
23	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	1
24	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	2
25	Khám phụ khoa	5
26	Làm thuốc âm đạo	5
27	Cắt u vú lành tính	1
28	Theo dõi nhịp tim thai và con gò tử cung bằng monitor sản khoa	1
29	Xử trí tích giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	2
30	Kiểm soát tử cung	5
31	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	1
32	Khám sơ sinh	2
33	Chăm sóc rốn sơ sinh	2
34	Khâu vết thương phần mềm dài < 10 cm và >10 cm	1
35	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	1
36	Băng bó vết thương	5
37	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	5
38	Chăm sóc lỗ mở khí quản	1
39	Chăm sóc ống nội khí quản	1
40	Mở màng nhĩ gấp cấp cứu	1
41	Sơ cứu bong đường hô hấp	1
42	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	1
43	Đặt ống thông dạ dày	1
44	Rửa dạ dày cấp cứu	1
45	Thụt tháo	2
46	Thông tiểu	2
47	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	2
48	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	2
49	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	2
50	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm insulin	2
51	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	1
52	Sơ cứu vết thương vùng hàm mặt	1
53	Cấp cứu bong mắt ban đầu	1
54	Cầm máu mũi bằng merocel	1
55	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	1
56	Khám nam khoa	2
57	Cắt chỉ khâu da	5
58	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng	1
59	Cấp cứu người bệnh tự sát	1



STT	THỦ THUẬT	CHỈ TIÊU
60	Xử trí người bệnh kích động	1
61	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần	1
62	Xử trí trạng thái sáng rượu	1
63	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	1
64	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	1
65	Cắt chỉ sau phẫu thuật	5
66	Băng bó vết thương	5
67	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn	1
68	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	2
69	Test dưới da với thuốc	5
70	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	5
71	Thay băng vết mổ	5
72	Thay băng, cắt chỉ	5
73	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2)	5
74	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	5
75	Theo dõi thân nhiệt bằng máy	5
76	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	5
77	Tiêm bắp thịt	5
78	Tiêm dưới da	5
79	Tiêm trong da	5
80	Tiêm truyền thuốc	5
81	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	10
82	Truyền dịch thường quy	5
83	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	10
84	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	10
85	Xoa bóp lưng, chân	10
86	Xoay trở bệnh nhân thở máy	10
87	Xử lý tại chỗ kỹ đầu tổn thương bỏng	5

**Bảng 2: Danh mục kỹ thuật chuyên môn áp dụng cho Bác sỹ Răng hàm mặt**

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	CHỈ TIÊU	GHI CHÚ
	<b>A. RĂNG</b>		
1	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	1	
2	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	1	
3	Chích áp xe lợi	10	
4	Lấy cao răng	10	
5	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng	10	



	Gutta percha nguội		
6	Điều trị tủy lại	2	
7	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng	10	
8	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	10	
9	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement	10	
10	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement	10	
11	Phục hồi cổ răng bằng Composite	10	
12	Mài chỉnh khớp cắn	10	
13	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	10	
14	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	5	Phụ mổ
15	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	10	
16	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	10	
17	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	10	Phụ mổ
18	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng		Phụ mổ
19	Nhổ răng vĩnh viễn	50	
20	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	50	
21	Nhổ chân răng vĩnh viễn	50	
22	Nhổ răng thừa	20	
23	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	1	Phụ mổ
24	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	1	Phụ mổ
25	Phẫu thuật cắt cuống răng	2	Phụ mổ
26	Cắt lợi xơ cho răng mọc	2	
27	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	2	
28	Cắt lợi di động để làm hàm giả	2	Phụ mổ
29	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	2	Phụ mổ
30	Phẫu thuật cắt phanh môi	2	Phụ mổ
31	Phẫu thuật cắt phanh má	2	Phụ mổ
32	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	5	
33	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	5	
34	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement	5	
35	Hàn răng không sang chân với Glasslonomer Cement	5	
36	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	5	



37	Điều trị tủy răng sữa	5	
38	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement	5	
39	Nhổ răng sữa	20	
40	Nhổ chân răng sữa	20	
41	Chích Apxe lợi trẻ em	10	
	<b>B. HÀM MẶT</b>		
42	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	2	Phụ mổ
43	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	2	Phụ mổ
44	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	5	Phụ mổ
45	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	5	Phụ mổ
46	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây tê hoặc gây tê)	5	Phụ mổ
47	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	1	
48	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm	1	
49	Điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới	1	
50	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	1	Phụ mổ
51	Phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hỏa khí	1	Phụ mổ
52	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	3	
53	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	5	
54	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	5	
55	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	5	
56	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	2	Phụ mổ
57	Phẫu thuật cắt lồi xương	2	Phụ mổ
58	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	2	Phụ mổ
59	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	2	Phụ mổ
60	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	2	Phụ mổ
61	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	2	Phụ mổ
62	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan tỏa vùng hàm mặt	2	Phụ mổ
63	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	2	Phụ mổ



64	Nắn sai khớp thái dương hàm	2	
65	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	2	
66	Phẫu thuật tháo nẹp, vít	5	Phụ mổ

**Bảng 3: Danh mục kỹ thuật chuyên môn áp dụng cho Bác sỹ Y học cổ truyền.**

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	GHI CHÚ
1	Hào châm	Xác định được vị trí các huyệt thường dùng cho các bệnh
2	Điện châm	
3	Thủy châm	
4	Cây chỉ	
5	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	- Thực hiện được các bước thao tác thủ thuật theo quy trình kỹ thuật theo “Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Châm cứu” ban hành theo QĐ 792/2013/QĐ-BYT
6	Hào châm điều trị liệt nửa người sau đột quỵ	
7	Điện châm điều trị liệt nửa người sau đột quỵ	
8	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	
9	Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	
10	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	
11	Hào châm điều trị đau thần kinh tọa	
12	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	
13	Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa	
14	Cây chỉ điều trị đau thần kinh tọa	
15	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	
16	Điện châm điều trị thoái hóa cột sống	
17	Thủy châm điều trị thoái hóa cột sống	
18	Cây chỉ hỗ trợ điều trị thoái hóa cột sống	
19	Xoa bóp bấm huyệt điều trị điều trị thoái hóa cột sống	
20	Điện châm điều trị liệt VII ngoại biên	
21	Hào châm điều trị liệt VII ngoại biên	
22	Thủy châm điều trị liệt VII ngoại biên	
23	Cây chỉ điều trị liệt VII ngoại biên	
24	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt VII ngoại biên	
25	Điện châm điều trị tăng huyết áp	
26	Hào châm điều trị tăng huyết áp	
27	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	
28	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	



29	Hào châm điều trị đau do thoái hóa khớp	
30	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	
31	Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	
32	Xoa bóp điều trị đau do thoái hóa khớp	
33	Điện châm điều trị hội chứng cánh tay cổ	
34	Cấy chỉ điều trị hội chứng cánh tay cổ	
35	Thủy châm điều trị hội chứng cánh tay cổ	
36	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng cánh tay cổ	

#### 4. Chuẩn năng lực và các mốc phát triển năng lực:

##### 4.1. Chuẩn năng lực

6 lĩnh vực năng lực chính mà người thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 12 tháng y khoa cần phải có và đạt được

<b>Lĩnh vực 1 (LV1): Tính chuyên nghiệp (3 năng lực)</b>
1.1. Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, lấy người bệnh làm trung tâm
1.2. Đảm bảo sức khỏe bản thân để cung cấp dịch vụ y tế hiệu quả
1.3. Tổ chức làm việc hiệu quả
<b>Lĩnh vực 2 (LV2): Học từ thực tế và tự đào tạo (2 năng lực)</b>
2.1. Lập kế hoạch học tập, tham gia vào các hoạt động khoa học
2.2. Tự đánh giá, nhận ra ưu nhược điểm và giới hạn của bản thân, tham gia các buổi sinh hoạt khoa học về cải thiện chất lượng, hội chẩn
<b>Lĩnh vực 3 (LV3): Tuân thủ pháp luật trong hành nghề y khoa (2 năng lực)</b>
3.1. Làm việc nhóm và phối hợp điều trị đa chuyên khoa; ứng dụng cách vận hành và các yếu tố liên quan để mang lại kết quả chăm sóc tốt nhất cho người bệnh
3.2. Phát hiện những sai sót trong hệ thống y tế, đưa ra những giải pháp, quy trình để giảm sai sót, giảm chi phí, tăng hiệu quả điều trị
<b>Lĩnh vực 4 (LV4): Kỹ năng giao tiếp (1 năng lực)</b>
Giao tiếp tốt và hiệu quả với đồng nghiệp, nhân viên y tế, người bệnh và gia đình
<b>Lĩnh vực 5 (LV5): Cập nhật kiến thức y khoa trong thực hành khám bệnh, chữa bệnh (2 năng lực)</b>
5.1. Áp dụng kiến thức về bệnh học để chẩn đoán và xử trí các vấn đề sức khỏe, các bệnh lý thường gặp ở người bệnh COVID-19 và người mắc dịch bệnh mới nổi.
5.2. Áp dụng kiến thức liên quan để thực hiện thủ thuật, chăm sóc người bệnh trước, trong, sau thủ thuật, và những biến chứng sau thủ thuật
<b>Lĩnh vực 6 (LV6): Chăm sóc và điều trị người bệnh (2 năng lực)</b>
6.1. Chẩn đoán chính xác, điều trị, theo dõi và phòng ngừa các bệnh lý thường gặp theo phác đồ điều trị
6.2. Thực hiện các kỹ thuật và thủ thuật các chuyên khoa cơ bản theo quy trình chuẩn đã được Bộ Y tế, Sở Y tế hoặc bệnh viện ban hành (Phụ lục 2)



## 4.2. Các mốc phát triển năng lực

Chương trình 12 tháng tập trung chủ yếu vào thực hành, nên mục tiêu học tập sẽ là những yêu cầu về các hoạt động nghề nghiệp, tương ứng với 6 lĩnh vực năng lực nêu trên và được phân thành 6 mức phát triển năng lực.

### MỨC DIỄN GIẢI CÁC MỨC

- 0 Không đánh giá
- 1 Chỉ quan sát – Chưa thực hiện được
- 2 Thực hiện được, có giám sát trực tiếp (\*)
- 3 Thực hiện được, có giám sát gần (\*\*)
- 4 Chỉ cần kiểm tra kết quả chính, giám sát từ xa (\*\*\*)
- 5 Thực hiện thành thạo và có thể hướng dẫn người khác

NĂNG LỰC	LĨNH VỰC	KỸ NĂNG	MỨC ĐỘ KHI HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH				
<b>1</b>		<b>Hỏi bệnh sử và khám thực thể</b>					
<b>1.1</b>	LV4,5	Thu thập bệnh sử đầy đủ, chính xác và sắp xếp theo trình tự thời gian, trong trường hợp có cấp cứu phải hỏi ngắn gọn, đúng trọng tâm	1	2	3	4	5
<b>1.2</b>	LV5	Chọn lọc được các thông tin giá trị	1	2	3	4	5
<b>1.3</b>	LV1,5	Sử dụng được ngôn ngữ vùng miền trong hỏi bệnh sử	1	2	3	4	5
<b>1.4</b>	LV5,6	Khám đầy đủ, chính xác, phù hợp với lý do đi khám theo trình tự hợp lý	1	2	3	4	5
<b>1.5</b>	LV5	Phát hiện những dấu hiệu bất thường khi khám và mô tả, ghi nhận trong hồ sơ	1	2	3	4	5
<b>1.6</b>	LV1,4	Đảm bảo an toàn, tạo sự thoải mái và tôn trọng riêng tư của người bệnh trong lúc khám	1	2	3	4	5
<b>2</b>		<b>Chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt</b>					
<b>2.1</b>	LV5,6	Tổng hợp thông tin từ bệnh sử, khám thực thể, hồ sơ từ tuyến trước (nếu có) để đưa ra chẩn đoán ban đầu	1	2	3	4	5
<b>2.2</b>	LV5,6	Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt dựa trên kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, biện luận lâm sàng.	1	2	3	4	5
<b>2.3</b>	LV1,4	Giải thích cho người bệnh và hội chẩn với đồng nghiệp trong trường hợp các chẩn đoán ban đầu chưa rõ ràng	1	2	3	4	5



3		Chỉ định và phân tích kết quả xét nghiệm hỗ trợ chẩn đoán					
3.1	LV5,6	Chỉ định các xét nghiệm phù hợp và giải thích được lý do	1	2	3	4	5
3.2	LV1,5,6	Cân nhắc chi phí, hiệu quả trong chỉ định xét nghiệm và thông tin cho người bệnh biết chi phí xét nghiệm	1	2	3	4	5
3.3	LV5,6	Giải thích kết quả và giá trị của các xét nghiệm (tình huống khẩn cấp và không khẩn cấp)	1	2	3	4	5
4		Kê đơn thuốc					
4.1	LV5,6	Kê đơn phù hợp với quy chế kê đơn của Bộ Y tế	1	2	3	4	5
4.2	LV5,6	Kê đơn theo phác đồ hiện hành	1	2	3	4	5
4.3	LV5,6	Nhận biết và sử dụng được các nguồn thông tin để kê đơn an toàn	1	2	3	4	5
5		Ghi chép hồ sơ bệnh án					
5.1	LV3	Ghi thông tin người bệnh chính xác, đúng thời điểm thăm khám và dễ đọc	1	2	3	4	5
5.2	LV3	Tuân thủ quy chế hồ sơ bệnh án	1	2	3	4	5
5.3	LV3	Ghi chính xác các dữ liệu trong việc ra quyết định chẩn đoán và điều trị (dấu hiệu diễn tiến lâm sàng và cận lâm sàng, ý kiến chuyên gia, mong muốn của người bệnh, người nhà)	1	2	3	4	5
6		Báo cáo tình trạng của người bệnh					
6.1	LV1, LV3-6	Báo cáo thông tin đã thu thập, chỉ ra thông tin nào xác thực và thông tin nào chưa chắc chắn.	1	2	3	4	5
6.2	LV1,3,4	Báo cáo bằng lời ngắn gọn, chính xác và mạch lạc	1	2	3	4	5
6.3	LV1,3,4	Đảm bảo người trình bày và người nghe đều hiểu như nhau về tình trạng của người bệnh.	1	2	3	4	5
7		Truy cập và sử dụng tài liệu y học chứng cứ					
7.1	LV2	Sử dụng công nghệ thông tin truy cập tài liệu có giá trị và tin cậy dựa vào y học chứng cứ	1	2	3	4	5
7.2	LV2,5,6	Lý luận và áp dụng nguồn thông tin tin cậy truy cập được vào chăm sóc và điều trị người bệnh	1	2	3	4	5
7.3	LV1,3,4	Trao đổi với đồng nghiệp trong nhóm chăm sóc và thân nhân về nguồn thông tin truy cập được để thống nhất trong quá trình điều trị	1	2	3	4	5



8		Bàn giao và tiếp nhận người bệnh					
8.1	LV3,4	Bàn giao trực tiếp, bàn giao trên hồ sơ những diễn biến mới nhất của người bệnh	1	2	3	4	5
8.2	LV5,6	Tóm tắt ngắn gọn mức độ nặng của người bệnh, những vấn đề cần lưu ý, kế hoạch xử trí	1	2	3	4	5
8.3	LV3-6	Trao đổi, đặt câu hỏi làm rõ thông tin được bàn giao	1	2	3	4	5
9		Làm việc nhóm					
9.1	LV1,4	Xác định rõ vai trò và trách nhiệm của mỗi thành viên đối với mỗi nhiệm vụ	1	2	3	4	5
9.2	LV1,4	Trao đổi với thái độ tôn trọng, tự trọng, trung thực, tạo điều kiện để thành viên nhóm tham gia trao đổi thông tin	1	2	3	4	5
9.3	LV1,4	Biết lắng nghe khi trao đổi với các thành viên nhóm	1	2	3	4	5
9.4	LV1,4	Điều chỉnh nội dung và cách diễn đạt để phù hợp với từng thành viên nhóm	1	2	3	4	5
9.5	LV1-4	Hiểu rõ vai trò, giới hạn của bản thân và tìm trợ giúp từ những thành viên khác nhằm tối ưu hóa việc chăm sóc sức khỏe người bệnh	1	2	3	4	5
9.6	LV1-4	Sẵn sàng giúp đỡ khi đồng nghiệp cần	1	2	3	4	5
9.7	LV1-4	Đặt mục tiêu chăm sóc người bệnh của nhóm lên cao nhất	1	2	3	4	5
10		Nhận biết các tình huống cấp cứu, đánh giá và xử trí ban đầu					
10.1	LV5,6	Xác định được tình trạng cấp cứu của người bệnh	1	2	3	4	5
10.2	LV5,6	Xác định các nguyên nhân có thể gây ra tình trạng nặng của người bệnh	1	2	3	4	5
10.3	LV5,6	Hỏi sức cơ bản thành thạo	1	2	3	4	5
11		Giải thích, tư vấn, để tạo sự đồng thuận của người bệnh hoặc người thân trước khi làm xét nghiệm, thủ thuật, phẫu thuật					
11.1	LV3,5,6	Hiểu rõ chỉ định, lợi ích, rủi ro, nguy cơ biến chứng và lựa chọn thay thế của thủ thuật	1	2	3	4	5
11.2	LV1, LV4-6	Thông tin cho người bệnh và gia đình, đảm bảo họ hiểu rõ chỉ định, lợi ích, rủi ro, nguy cơ biến chứng và lựa chọn thay thế	1	2	3	4	5
11.3	LV1,3,6	Ghi lại các thảo luận và lưu giữ giấy cam kết đồng thuận trong hồ sơ bệnh án	1	2	3	4	5
12		Thực hiện thủ thuật, kỹ thuật cơ bản trong các chuyên khoa cơ bản					



12.1	LV5,6	Thực hiện được các thủ thuật, kỹ thuật cơ bản	1	2	3	4	5
12.2	LV1, LV4-6	Giải thích cho người bệnh và thân nhân trước và sau khi tiến hành các thủ thuật, kỹ thuật kể trên	1	2	3	4	5
13		<b>Phát hiện lỗi cá nhân và hệ thống, giúp cải thiện an toàn trong chăm sóc người bệnh</b>					
13.1	LV3	Phát hiện được sai sót trong hệ thống y tế (sự cố y khoa và lỗi tiềm ẩn)	1	2	3	4	5
13.2	LV3	Dám nói khi thấy có sai sót hoặc lỗi tiềm ẩn	1	2	3	4	5
13.3	LV1,2	Biết nhận ra sai sót của bản thân và có kế hoạch cải tiến.	1	2	3	4	5

### Ghi chú:

(\*) *Giám sát trực tiếp*: Người thực hành cùng với người hướng dẫn thực hành trực tiếp thực hiện chăm sóc người bệnh (cầm tay chỉ việc).

(\*\*) *Giám sát gần*: Người thực hành tự thực hiện chăm sóc người bệnh dưới giám sát trực tiếp của người hướng dẫn thực hành.

(\*\*\*) *Giám sát từ xa*: Người thực hành tự thực hiện chăm sóc người bệnh sau đó báo cáo kết quả thực hiện cho người hướng dẫn thực hành kiểm tra lại. (Lưu ý: Người hướng dẫn thực hành không giám sát trực tiếp nhưng khi cần có thể hỗ trợ được ngay).

## 5. Lượng giá người học và lượng giá chương trình

### 5.1. Điều kiện thi kết thúc chương trình

- Lượng giá thực hành quá trình tại mỗi chuyên khoa đạt mức năng lực quy định.
- Giấy xác nhận của người hướng dẫn thực hành: Đạt.

### 5.2. Lượng giá kiến thức

- Lượng giá kết thúc: câu hỏi trắc nghiệm với mức độ áp dụng theo phân bậc nhận thức của Bloom (dạng tình huống)

	Chẩn đoán	Điều trị	Chăm sóc	Phòng ngừa	Tổng cộng
Hồi sức cấp cứu					
Nội khoa					
Ngoại khoa					
Sản phụ khoa					
Nhi khoa					
Tai Mũi Họng					
Răng Hàm Mặt					
Mắt					
Y học cổ truyền và					



Phục hồi chức năng					
Tổng cộng					50-100

- Công cụ lượng giá: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

### 5.3. Lượng giá thực hành:

Trình bệnh án hoặc viết chuyên đề (theo định hướng chuyên môn khoa hoặc tự chọn)

### 5.4. Điều kiện hoàn thành chương trình

- Điểm lý thuyết  $\geq 5$ .
- Điểm thi thực hành kết thúc  $\geq 5$ .

### 5.5. Người thực hành lượng giá chương trình đào tạo

Kết thúc mỗi chuyên khoa vào ngày cuối cùng, tất cả người thực hành phản hồi cho công tác huấn luyện đào tạo và chương trình theo mẫu thống nhất được đơn vị đào tạo của bệnh viện ban hành. Đây là cơ sở đảm bảo chất lượng và cải thiện chương trình liên tục.

→ Bảng câu hỏi lượng giá chương trình và công tác huấn luyện đào tạo.

## 6. Tài liệu tham khảo

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023.
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Quyết định số 1678/QĐ-SYT của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 3 năm 2024.
- Chương trình thực hành 12 tháng để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh bác sỹ y khoa của Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Tài liệu “Hội nghị tập huấn trực tuyến Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản quy định chi tiết của Luật Khám bệnh, chữa bệnh” do Cục quản lý khám, chữa bệnh tổ chức theo Giấy mời số 224/GM-KCB ngày 17/6/2024).





## PHỤ LỤC 1

# KIẾN THỨC PHÁP LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH; ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ; ỨNG XỬ NGƯỜI HÀNH NGHỀ

STT	NỘI DUNG
<b>I</b>	<b>Những quy định của pháp luật trong hành nghề khám bệnh, chữa bệnh</b>
Bài 1	Giới thiệu tổ chức, quy định bệnh viện; chương trình thực hành, phương pháp học thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với bác sĩ y khoa.
Bài 2	Quy chế chuyên môn: quy chế cấp cứu, chẩn đoán và làm hồ sơ bệnh án; quy chế sử dụng thuốc; quy chế hội chẩn; quy chế kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú và nội trú; quy chế an toàn chuyển viện...
Bài 3	Quy định về bảo hiểm y tế
Bài 4	Các văn bản pháp lý liên quan đến công tác hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
Bài 5	Quy trình báo động đỏ nội viện, liên viện
<b>II</b>	<b>Các kỹ năng cơ bản trong khám bệnh, chữa bệnh</b>
Bài 6	Kỹ năng giao tiếp hiệu quả: <ul style="list-style-type: none"><li>- Văn hóa ứng xử trong thực hành chăm sóc sức khỏe,</li><li>- Quản lý cảm xúc;</li><li>- Thực hành tình huống (đóng vai).</li></ul>
Bài 7	Kỹ năng tự đào tạo
Bài 8	Y học chứng cứ
Bài 9	An toàn người bệnh và phòng ngừa sự cố y khoa
Bài 10	Kiểm soát nhiễm khuẩn
Bài 11	Tham vấn tâm chủng







PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC THỦ THUẬT

STT	THỦ THUẬT	MỨC NĂNG LỰC				
		1	2	3	4	5
1	Thở oxy				X	
2	Lắp và cài đặt thông số NCPAP				X	
3	Chỉ định và chăm sóc người bệnh thở máy				X	
4	Kỹ thuật phun khí dung				X	
5	Kỹ thuật sử dụng bình hít định liều có hoặc không kèm buồng đệm				X	
6	Đặt nội khí quản			X		
7	Băng ép, garo cầm máu				X	
8	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương				X	
9	Bất động cột sống cổ bằng nẹp cứng				X	
10	Vận chuyển người bệnh an toàn				X	
11	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp			X		
12	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu			X		
13	Chọc dò dịch màng phổi, chọc hút khí màng phổi			X		
14	Chọc dịch tủy sống			X		
15	Đặt catheter tĩnh mạch			X		
16	Truyền máu và các chế phẩm máu			X		
17	Ghi điện tim cấp cứu tại giường			X		
18	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm			X		
19	Cắt và khâu tầng sinh môn			X		
20	Khám thai				X	
21	Bóc nang tuyến Bartholin			X		
22	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo			X		
23	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo				X	
24	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung				X	
25	Khám phụ khoa				X	
26	Làm thuốc âm đạo				X	
27	Cắt u vú lành tính			X		
28	Theo dõi nhịp tim thai và cơn gò tử cung bằng monitor sản khoa				X	
29	Xử trí tích giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ				X	
30	Kiểm soát tử cung			X		
31	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn				X	
32	Khám sơ sinh				X	



STT	THỦ THUẬT	MỨC NĂNG LỰC			
33	Chăm sóc rốn sơ sinh			X	
34	Khâu vết thương phần mềm dài < 10 cm và >10 cm			X	
35	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu			X	
36	Băng bó vết thương			X	
37	Thay băng điều trị vết thương mạn tính			X	
38	Chăm sóc lỗ mở khí quản			X	
39	Chăm sóc ống nội khí quản			X	
40	Mở màng nhĩ giáp cấp cứu			X	
41	Sơ cứu bong đường hô hấp			X	
42	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)			X	
43	Đặt ống thông dạ dày			X	
44	Rửa dạ dày cấp cứu			X	
45	Thụt tháo			X	
46	Thông tiểu			X	
47	Đo lượng nước tiểu 24 giờ			X	
48	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu			X	
49	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường			X	
50	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm insulin			X	
51	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt			X	
52	Sơ cứu vết thương vùng hàm mặt			X	
53	Cấp cứu bong mắt ban đầu			X	
54	Cầm máu mũi bằng merocel			X	
55	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu			X	
56	Khám nam khoa			X	
57	Cắt chỉ khâu da			X	
58	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng			X	
59	Cấp cứu người bệnh tự sát			X	
60	Xử trí người bệnh kích động			X	
61	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần			X	
62	Xử trí trạng thái sảng rượu			X	
63	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần			X	
64	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần			X	
65	Cắt chỉ sau phẫu thuật			X	
66	Băng bó vết thương			X	
67	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn			X	
68	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ			X	
69	Test dưới da với thuốc			X	
70	Thay băng điều trị vết thương mạn tính			X	



STT	THỦ THUẬT	MỨC NĂNG LỰC				
71	Thay băng vết mổ				X	
72	Thay băng, cắt chỉ				X	
73	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2)				X	
74	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy				X	
75	Theo dõi thân nhiệt bằng máy				X	
76	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui				X	
77	Tiêm bắp thịt				X	
78	Tiêm dưới da				X	
79	Tiêm trong da				X	
80	Tiêm truyền thuốc				X	
81	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS				X	
82	Truyền dịch thường quy				X	
83	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh				X	
84	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay				X	
85	Xoa bóp lưng, chân				X	
86	Xoay trở bệnh nhân thở máy				X	
87	Xử lý tại chỗ kỹ đầu tôn thương bồng				X	